TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 37 /2020/DS-ST
Ngày 29/ 07 /2020.
"*V/v:* Tranh chấp hợp đồng vay tài sản *".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Xuyến
- Các Hội thẩm nhân dân:
[1].ông Nguyễn Quang Liêu;
[2]. ông Nguyễn Đăng Bảy;
- Thư ký phiên tòa: ông Trần Thế Vinh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước: bà Trịnh Thị Tâm – Chức vụ: Kiểm sát viên

Trong ngày 29 tháng 07 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 96/2020/DS-ST, ngày 14/5/2020 về việc " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa ra xét xử số 45 /2020 /QĐST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên Đơn: chị Trần Thị Ng ; Sinh năm 1981
Địa chỉ : thôn 9, xã Đ L , huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.
Người được nguyên đơn ủy quyền:
chị Ninh Thị Nguyên H, sinh năm 1987 (có mặt)
Địa chỉ : ấp 9, xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
2. Bị đơn: anh Bùi H, Sinh năm 1971(vắng mặt)
chị Nguyễn Thị Thanh Th; Sinh năm 1975 (có mặt)
Địa chỉ : thôn 9, xã Đ L , huyện B Đ , tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 05/5/2020 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn trình bày: Ngày 14/12/2018 Tôi có cho vợ chồng anh Bùi H, chị Nguyễn Thị Thanh Th vay số tiền 140.000.000đ, ngày trả cuối cùng là 14/12/2019, lãi suất theo ngân hàng, đã quá thời hạn

từ đó đến nay nhưng bị đơn không trả nợ. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu anh bị đơn phải trả toàn bộ số tiền gốc đã vay 140.000.000đ, yêu cầu trả lãi trong hạn và lãi quá hạn.

Bị đơn anh Bùi H, chị Nguyễn Thị Thanh Th thống nhất bày: Vợ chồng tôi có vay của chị Trần Thị Ng số tiền 140.000.000đ là đúng, đến nay chưa trả là đúng, về tiền lãi đã trả 18.600.000đ nhưng không có gì để chứng minh, nay đồng ý trả gốc nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ, không đồng ý trả lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng phát biểu quan điểm khẳng định: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình chuẩn bị xét xử từ khi thụ lý đến nay là đúng. Tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tố tụng của các đương sự theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận theo đơn khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Toà án: Nguyên đơn và bị đơn tranh chấp về " Hợp đồng vay tài sản".

Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào khoản 3 Điều 25, điểm a khoản 1 Điều 33 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[3]. Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn về số tiền bị đơn đã vay 140.000.000đ.

Xét thấy bị đơn thừa nhận giấy vay tiền là đúng, có ký nhận là đúng, số tiền đã vay 140.000.000đ là đúng nhưng vì khó khăn chưa trả được.

Hiện nay bị đơn xin trả dần mỗi tháng trả 1.000.000đ nhưng nguyên đơn không đồng ý.

Như vậy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay, quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị xâm phạm. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần buộc bị đơn trả nguyên đơn số tiền đã vay 140.000.000đ.

[4]. Về lãi suất, khi cho vay các bên có thỏa thuận về lãi suất, nhưng hiện nay có tranh chấp về lãi suất, bị đơn cho rằng đã trả nguyên đơn một phần lãi suất nhưng không có gì chứng minh là mình đã trả.

Do vậy cần áp dụng quy định tại điều 468 BLDS buộc bị đơn trả lãi suất cho nguyên đơn, cụ thể:

Lãi suất trên nợ gốc trong hạn của số tiền 140.000.000đ từ ngày 14/12/2018 đến ngày 14/12/2019 là 12 tháng :

140.000.000đ x 0,85%/1 tháng x 12 tháng = 14.280.000đ

Lãi suất trên nợ gốc quá hạn từ ngày 15/12/2019 đến nay 29/7/2020 là 7 tháng 14 ngày:

140.000.000đ x 0,85%/1 tháng x 7 tháng 14 ngày x 150% = 13.327.999đ

Tổng cộng cả gốc và lãi là 167.607.999đ

[5]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải liên đới nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo luật định là:
167.607.999đ x5% = 8.380.399đ.
Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.182.500đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010292 ngày 13/5/2020

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463, điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Toà án;

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn anh Bùi H, chị Nguyễn Thị Thanh Th phải liên đới trả cho chị Trần Thị Ng số tiền gốc đã vay 140.000.000đ
Tiền lãi: 27.607.999đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 167.607.999đ.

[2]. Về án phí: Buộc bị đơn anh Bùi H, chị Nguyễn Thị Thanh Th phải liên đới nộp tiền án phí DSST là 8.380.399đ.

Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.182.500đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010292 ngày 13/5/2020.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích lục bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú .

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện BĐ;
- CCTHA huyện BĐ;
- Đương sự;
- Lưu HS – DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyến